

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2025/HNGĐ-ST
Ngày 12 tháng 6 năm 2025
“*V/v Tranh chấp hôn nhân
gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Liên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Duy Tính

2. Bà Đào Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Minh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì tham gia phiên tòa: Bà: Dương Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25/4/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 25/QĐ - TA ngày 15/5/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tạ Thị H, sinh năm 1984;

ĐKKHKT: Tổ 10B, phố S, phường T, thành phố V, Tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Đ, xã T, thành phố V, Tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Nguyễn Duy H1, sinh năm 1978;

ĐKKHKT: Tổ 10B, phố S, phường T, thành phố V, Tỉnh Phú Thọ.

(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện cũng như các lời khai tại tòa án, nguyên đơn chị Tạ Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Duy H1 lấy nhau có tự nguyện tìm hiểu, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn ngày 05/10/2007, đăng ký tại UBND phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng ở trên xã T. Chị đăng ký tạm trú ở trên T còn anh H1 vẫn đăng ký hộ khẩu tại nhà bố mẹ đẻ anh H1 tại phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã chửi nhau, do đó anh H1 đã về nhà bố mẹ đẻ anh H1 từ tháng

9/2024, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2024 cho đến nay. Nay chị làm đơn này đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H1.

Về con chung : Chị và anh H1 có 03 con chung là cháu Nguyễn Hồng Á, sinh ngày 19/5/2008, Nguyễn Thùy D sinh ngày 10/3/2010, Nguyễn Duy Đ sinh ngày 30/12/2016. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi cả 03 con chung do các con chung đều đang ở với chị tại Đội 9, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ, chị không đề nghị anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Duy H1 đã được triệu tập nhiều lần nhưng không có mặt tại Tòa. Sau đó ngày 14/4/2025, anh H1 có đến Tòa án trình bày: Anh xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn và đã sống ly thân, chị H đang ở trên T, còn anh đang ở cùng bố mẹ đẻ anh tại phường T. Anh H1 xác nhận vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Hồng Á, sinh ngày 19/5/2008, Nguyễn Thùy D sinh ngày 10/3/2010, Nguyễn Duy Đ sinh ngày 30/12/2016. Ly hôn anh đề nghị nuôi cháu Đ, để chị H nuôi cháu Á và cháu D, không đề nghị bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Không đề nghị Tòa án giải quyết. Sau đó anh H1 bỏ về không làm việc, không ký biên bản.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay là đúng quy định của pháp luật. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án; bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật nên không đảm bảo được quyền lợi của mình. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Tạ Thị H, cho chị H được ly hôn với anh Nguyễn Duy H1. Về con chung: Giao cả 3 con chung là cháu Nguyễn Hồng Á, sinh ngày 19/5/2008, Nguyễn Thùy D sinh ngày 10/3/2010, Nguyễn Duy Đ sinh ngày 30/12/2016 cho chị Tạ Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Duy H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H do chị H không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Không đặt ra xem xét giải quyết do chị H không yêu cầu. Về án phí: Đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: anh Nguyễn Duy H1 cư trú tại địa chỉ: Tổ A, phố S, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ nên yêu cầu khởi kiện đề nghị ly hôn và giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng con chung của chị Tạ Thị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì đã tiến hành các trình tự, thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Bị đơn anh Nguyễn Duy H1 đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai (không có lý do);

nguyên đơn, chị Tạ Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xem xét quan hệ hôn nhân chị Tạ Thị H và anh Nguyễn Duy H1, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị H, anh H1 tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Như vậy, là hôn nhân hợp pháp. Nay chị H cho rằng tình cảm vợ chồng không còn và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh H1. Sau khi xem xét đơn ly hôn của chị H và các tài liệu chứng cứ Hội đồng xét xử nhận thấy: Cuộc sống chung của chị H và anh H1 có nhiều mâu thuẫn không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên va chạm, vợ chồng đã sống ly thân. Qua xác minh tại nơi sinh sống thường xuyên của chị H, anh H1 tại Đội 9, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ thì được địa phương cho biết quá trình chung sống có mâu thuẫn cãi vã với nhau, anh H1 chơi bời lêu lổng, không chịu làm ăn, không chịu quan tâm đến vợ con. Từ khoảng tháng 12/2024 cho đến nay anh H1 không còn ở cùng với chị H nữa, điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân của chị H, anh H1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử quyết định cho chị H ly hôn anh H1 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị H, anh H1 xác nhận có 03 con chung là cháu Nguyễn Hồng Á, sinh ngày 19/5/2008, Nguyễn Thùy D sinh ngày 10/3/2010, Nguyễn Duy Đ sinh ngày 30/12/2016. Hiện nay cháu Á, cháu D và cháu Đ đang sống cùng với chị H tại xã T, V; để cháu Á, cháu D và cháu Đ ổn định cuộc sống chị H xin nuôi cả ba cháu, chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh H1 đề nghị được nuôi cháu Đ, còn hai cháu Á và D đề nghị giao cho chị H và không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Xét thấy, nguyện vọng của hai bên đều xin được nuôi con là chính đáng, tuy nhiên khi xét đến việc giao con phải xét đến các điều kiện của người trực tiếp nuôi con và nguyện vọng của các con. Quá trình giải quyết vụ án, qua xác minh tại khu dân cư nơi chị H, anh H1 sinh sống tại xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ, được địa phương cung cấp: hiện cả 03 con chung đều đang ở ổn định cùng chị H tại xã T, thành phố V, anh H1 thường xuyên vắng nhà. Xác minh tại Công an phường T thể hiện: Anh H1 là đối tượng nghiện ma túy được Công an phường T quản lý theo dõi. Anh H1 đã từng đi chấp hành án tù về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, mặt khác nguyện vọng của các

con chung đều xin được ở với mẹ. Vì vậy để đảm bảo cho cuộc sống của cháu ổn định, không bị xáo trộn, có điều kiện phát triển tốt cả về thể chất và tinh thần. Nên cần giao cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng cả 3 con chung là hoàn toàn phù hợp.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Duy H1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị H vì chị H không yêu cầu.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị Tạ Thị H, anh Nguyễn Duy H1 không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết tài sản chung, công nợ, công sức.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 và khoản 3 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tạ Thị H.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Tạ Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Duy H1.

2. Về con chung: Giao 03 con chung là cháu Nguyễn Hồng Á, sinh ngày 19/5/2008, Nguyễn Thùy D sinh ngày 10/3/2010, Nguyễn Duy Đ sinh ngày 30/12/2016 cho chị Tạ Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Duy H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H do chị H không yêu cầu. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và thăm nom con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4 Về án phí: Chị Tạ Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Tạ Thị H đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003362 ngày 02/01/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Việt Trì;
- Chi cục THADS TP Việt Trì;
- Các đương sự;
- UBND phường Tiên Cát, TP Việt Trì;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Kim Liên